

Số:252/TB-T2-ĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự đợt 2 năm 2025

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 969/QĐ-T2-ĐT ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 1522/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội đào tạo ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự trình độ tiến sĩ;

- Căn cứ Kế hoạch số 369/KH-T2-SĐH ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (khóa 3) năm 2025 của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;

- Căn cứ Kế hoạch số 161/KH-T2-ĐT ngày 03 tháng 7 năm 2025 về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự đợt 2 năm 2025 của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội;

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự đợt 2 năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh

1.1. Ngành tuyển sinh: Luật hình sự và tố tụng hình sự.

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Dự kiến 09 chỉ tiêu.

2. Hình thức, địa điểm và thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: Hình thức đào tạo chính quy

2.2. Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

2.3. Thời gian đào tạo:

- Thời gian đào tạo đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm (36 tháng)

- Thời gian đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm (48 tháng).

Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

2.4. *Thời gian học*: Theo kế hoạch đào tạo chuẩn toàn khóa, kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ; được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp gồm: Luật, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật kinh tế, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Pháp luật về quyền con người và các ngành Luật khác được bổ sung trong nhóm ngành pháp luật tại danh mục các ngành đào tạo cấp IV các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ứng viên tốt nghiệp một trong những ngành phù hợp nói trên, nhưng không phải là ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự sau khi trúng tuyển sẽ phải học các học phần bổ sung theo quy định của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành khác của Trường.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Về năng lực ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại phụ lục II Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo còn

hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ như quy định đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam.

Các văn bằng, chứng chỉ nói trên phải còn hiệu lực tính đến ngày ứng viên nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh, được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội. Ứng viên cam kết chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng, chứng chỉ được nộp trong hồ sơ đăng ký dự tuyển.

c) Về năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu

Người dự tuyển được xác định có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Là tác giả tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành.

+ Là tác giả tối thiểu 01 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

+ Có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên nếu là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Thư giới thiệu và dự thảo đề cương nghiên cứu

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm người hướng dẫn khoa học cần bổ sung thêm nhận xét về

tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; nêu rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho các hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên dự tuyển.

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, khái quát về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của ứng viên cho việc thực hiện luận án tiến sĩ; đề xuất người hướng dẫn khoa học (nếu có).

e) Các điều kiện khác

- Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường;

- Nộp hồ sơ tuyển sinh đáp ứng đầy đủ theo quy định trong Thông báo tuyển sinh của Trường; đáp ứng yêu cầu đầu vào khác theo tiêu chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại thời điểm tuyển sinh.

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (xét duyệt hồ sơ và đánh giá dự thảo đề cương nghiên cứu).

5. Hồ sơ đăng ký dự thi

Ứng viên nộp Hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời hạn trong Thông báo tuyển sinh. Hồ sơ đăng ký dự tuyển bao gồm:

- 01 Đơn đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (*mẫu 1*, tải mẫu tại mục Thông báo tuyển sinh trên website của Trường để làm hồ sơ đăng ký dự tuyển)

- 01 lí lịch khoa học có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi ứng viên đang công tác (nếu có) (*mẫu 2*, tải mẫu tại mục Thông báo tuyển sinh trên website của Trường để làm hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- 01 giấy chứng nhận của bệnh viện đa khoa có thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ (có chứng thực) gồm: 02 bằng đại học và 02 bằng điểm/phụ lục văn bằng đại học; 02 bằng thạc sĩ và 02 bằng điểm/phụ lục văn bằng thạc sĩ;

- 02 bản sao có chứng thực một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp với quy định của phụ lục kèm theo Thông báo;

- 01 thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học, tiến sĩ (*mẫu 3*, tải mẫu tại mục Thông báo tuyển sinh trên website của Trường để làm hồ sơ đăng ký dự tuyển);

- Văn bản minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và kết quả nghiên cứu khoa học của thí sinh là một trong những văn bản sau:

+ 01 bản sao trang bìa, trang phụ lục luận văn theo định hướng nghiên cứu có tên luận văn, tên tác giả và toàn bộ các trang nội dung của luận văn.

+ 01 bản sao trang bìa, trang mục lục tạp chí có tên bài báo, tên tác giả và toàn bộ các trang nội dung của bài báo. Đối với bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành phiên bản điện tử thì phải có bản in trang điện tử của tạp chí có đăng bài báo khoa học đó.

+ 01 bản sao trang bìa, trang mục lục có tên báo cáo và tên tác giả, toàn văn báo cáo khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành kèm theo văn bản xác nhận của đơn vị quản lý khoa học đã tổ chức hội nghị, hội thảo (trừ trường hợp do Trường tổ chức hoặc kỹ yếu đã được xuất bản có mã số ISBN). Đối với báo cáo khoa học đăng trên kỹ yếu hội nghị, hội thảo dưới dạng điện tử thì phải có bản in trang điện tử của kỹ yếu hội nghị, hội thảo có đăng tải báo cáo khoa học đó.

- 01 văn bản minh chứng về thời gian công tác là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Các tài liệu minh chứng phải có bản gốc (đối với bản điện tử phải nêu rõ nguồn đăng tải) để đối chiếu khi nộp hồ sơ.

- 07 bản Dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (*mẫu 4*, tải mẫu tại mục Thông báo tuyển sinh trên website của Trường để làm hồ sơ đăng ký dự tuyển).

- 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người dự tuyển.

(Lưu ý: Người dự tuyển không trúng tuyển không được trả lại hồ sơ)

6. Kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh

- Phát hành hồ sơ dự thi: Từ 14/7/2025 đến ngày 19/9/2025.

- Nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Từ ngày 18/8/2025 đến hết ngày 19/9/2025.

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, phòng 509, tầng 5 – Nhà Hành chính, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, đường Ý La, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0915190496, 0924171555.

- Công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi trên Cổng thông tin điện tử của Trường: Dự kiến từ ngày 22/9/2025 đến ngày 26/9/2025.

- Thời gian xét tuyển: Dự kiến vào các ngày 03, 04/10/2025.

- Thời gian công bố kết quả thi tuyển: Dự kiến từ ngày 13/10/2025 đến ngày 15/10/2025.

- Thời gian nhập học: Dự kiến các ngày 24, 25/10/2025.

7. Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác

7.1. *Lệ phí tuyển sinh*: 1.500.000 đồng/ứng viên (thu ngay khi nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển, trong đó lệ phí xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển: 200.000 đồng là lệ phí xét tuyển 1.300.000 đồng).

Người dự tuyển đăng ký xét tuyển có thể nộp trực tiếp tại Trường (Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, phòng 509, tầng 5 – Nhà Hành chính) hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường, Số tài khoản: 1231119542 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Quang Trung (nội dung chuyển khoản ghi rõ Họ tên người dự tuyển; xét tuyển NCS).

7.2. *Học phí*


- Năm học 2025-2026: Dự kiến 39.750.000đ/nghiên cứu sinh/năm.

Mức học phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ; quy định của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội về học phí áp dụng trong mỗi năm học và được thông báo cho người học trước khi bắt đầu năm học mới.

Mọi thắc mắc và cần biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (Phòng 509, tầng 5 Nhà hành chính), địa chỉ: Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Số điện thoại: 0915190496, 0924171555.

Thông tin về tuyển sinh được cập nhật trên Website: www.kiemsat.edu.vn

Nơi nhận:

- Đ/c Hồ Đức Anh, PVT VKSNDTC (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Vụ TCCB (để b/c);
- Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh;
- Các cơ quan tư pháp ở các địa phương;
- Báo Bảo vệ Pháp luật (để đưa tin);
- Cổng TTĐT Trường (để đưa tin);
- Trang Thông tin điện tử ngành kiểm sát (để đưa tin);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P. ĐT. 

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Khoát

PHỤ LỤC I**Một số chứng chỉ dùng trong tuyển sinh trình độ tiến sĩ của
Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội***(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm
2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm	
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên	Không chấp nhận chứng chỉ Toefl iBT thi theo hình thức Home Edition cấp sau ngày 9/9/2022
		IELTS	Từ 5.5 trở lên	
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên	
		Cambridge English Tests	FCE 160-179	
		Linguaskill	160-179	
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	
		Aptis ESOL	B2	
		PEIC	Level 3	
		PTE Academic	59-75	

2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance Française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue	
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe – Zertifikat B2 trở lên	
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên	
4	Tiếng Trung quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên	
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên	
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên	
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên	

Phụ lục II**Thanh điểm đánh giá xét tuyển nghiên cứu sinh của
Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-T2-ĐT ngày 21 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội)*

Điểm đánh giá, phân loại người dự tuyển theo thang điểm: 100 điểm, gồm 2 phần: điểm đánh giá hồ sơ và điểm phỏng vấn người dự tuyển. Điểm đánh giá được làm tròn (không có số lẻ sau dấu phẩy). Trong từng nội dung nếu có nhiều loại cùng được tính điểm thì chỉ tính điểm cho một loại có số điểm cao nhất. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa
	Phần I. Điểm đánh giá thông qua hồ sơ	30
1	<i>Bằng cử nhân, thạc sĩ</i>	8
	1.1. Tốt nghiệp thạc sĩ với điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10, không có điểm 6) ≤ 8 điểm	
	1.2. Tốt nghiệp thạc sĩ các trường hợp khác ≤ 6 điểm	
	1.3. Tốt nghiệp cử nhân loại giỏi ≤ 5 điểm	
2	<i>Trình độ ngoại ngữ</i>	7
	2.1. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài; bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp = 7 điểm;	
	2.2. Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại phụ lục I Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội = 7 điểm;	

	2.3. Có chứng chỉ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đối với thí sinh người nước ngoài) = 7 điểm	
3	<p><i>Thành tích nghiên cứu khoa học</i> (đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng, điểm thành tích nghiên cứu khoa học được tính sau khi đã trừ điều kiện về năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu theo quy định)</p> <p>3.1. Là tác giả chính của 02 bài báo trở lên đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, thuộc Danh mục tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước ≤ 6 điểm</p> <p>3.2. Là tác giả chính của 01 bài báo trở lên đã công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, thuộc Danh mục tính điểm của Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước ≤ 3 điểm</p>	6
4	<p><i>Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu</i> (đối với người dự tuyển có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng, điểm kinh nghiệm hoạt động chuyên môn được tính trên thực tế thời gian công tác mà mà người dự tuyển có sau khi trừ đi điều kiện về năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu)</p> <p>4.1. Thâm niên công tác từ 5 năm trở lên ≤ 5 điểm</p> <p>4.2. Thâm niên công tác 4 năm ≤ 4 điểm</p> <p>4.3. Thâm niên công tác 3 năm ≤ 3 điểm</p> <p>4.4. Thâm niên công tác 2 năm ≤ 2 điểm</p> <p>4.5. Thâm niên công tác 1 năm ≤ 1 điểm</p>	5

5	<i>Ý kiến trong thư giới thiệu ≤ 4</i>	4
	II. Điểm đánh giá thông qua Dự thảo đề cương nghiên cứu và phỏng vấn	70
6	<i>Sự rõ ràng và ý tưởng nghiên cứu, tính mới và ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài</i>	5
7	<i>Sự phù hợp của đề tài nghiên cứu đối với ngành đăng ký</i>	5
8	<i>Tính lôgic và hệ thống của nội dung nghiên cứu đề tài</i>	20
9	<i>Tính khả thi của đề tài, của kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa</i>	10
10	<i>Hiểu biết của người dự tuyển về đề tài</i>	10
11	<i>Những phẩm chất cần có của một nghiên cứu sinh (như năng lực, ý chí, quyết tâm, sự ham học hỏi, sự chín chắn, sự nhiệt tình, sự tự tin, tính lạc quan, mong muốn và dự định đóng góp của thí sinh sau khi hoàn thành khóa học...)</i>	10
12	<i>Kỹ năng trình bày của người dự tuyển</i>	10
Tổng cộng		100